TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày: 17/3/2020.
V/v: *" Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN – TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Điểu – Cán bộ hưu trí thị trấn Chí Thạnh.

2. Ông Phạm Ngọc Trưng – Giám đốc HTX cơ giới đường bộ huyện Tuy An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2019/TLST - DS ngày 16 tháng 12 năm 2019, về việc: " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2.Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2019 và lời trình bày của nguyên đơn chị Phạm Thị M tại phiên tòa:

Năm 2016 tôi có cho cá nhân chị Nguyễn Thị Thu H mượn số tiền 80.000.000 đồng, không lập giấy tờ gì và cũng không thỏa thuận tiền lãi, đến

ngày 19/12/2017 chị H có viết lại giấy mượn tiền của tôi 80.000.000 đồng nêu trên. Tuy nhiên đến nay chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay tôi yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho tôi toàn bộ số tiền gốc 80.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 10%/ năm theo quy định của Bộ luật dân sự, thời gian tính lãi kể từ ngày vay 19/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 17/3/2020.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt, tại biên bản hòa giải ngày 19/02/2020 chị H trình bày: Tôi thừa nhận năm 2016 có mượn của chị M 80.000.000 đồng, không lập giấy tờ gì, sau đó đến ngày 19/12/2017 tôi viết lại giấy mượn tiền của chị M 80.000.000 đồng nêu trên. Tuy nhiên hiện nay do điều kiện khó khăn, không có khả năng trả nợ một lần cho chị M. Nay tôi cam kết hẹn cứ mỗi tháng trả cho chị M 300.000 đồng, cho đến khi trả hết số tiền gốc nêu trên.

Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị M khởi kiện chị Nguyễn Thị Thu H cư trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên " Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản ". Đây là tranh chấp dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Năm 2016 chị M có cho chị H mượn số tiền 80.000.000 đồng, nhưng không lập giấy tờ gì, không có thỏa thuận tiền lãi, đến ngày 19/12/2017 chị H có viết lại giấy mượn tiền của chị M 80.000.000 đồng nêu trên, tuy nhiên đến nay chị H chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị M yêu cầu chị H phải trả toàn bộ số tiền gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 10%/ năm (0,83%/ tháng) theo quy định của Bộ luật dân sự, thời gian tính lãi kể từ ngày xác lập hợp đồng vay ngày 19/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 26 tháng 27 ngày; Tại biên bản hòa giải ngày 19/02/2020, bị đơn chị H thừa nhận trước đây có mượn tiền của chị M và thừa nhận ngày 19/12/2017 có viết lại giấy mượn tiền của chị M 80.000.000 đồng là đúng thực tế. Do điều kiện khó khăn nên không có khả năng trả nợ một lần, đồng thời cam kết hẹn cứ mỗi tháng trả dần cho chị M 300.000 đồng, cho đến khi trả hết số nợ gốc nêu trên, tuy nhiên phía nguyên đơn không đồng ý.

[3]. Hội đồng xét xử nhận định: Năm 2016 chị M có cho chị H mượn số tiền 80.000.000 đồng nhưng không lập giấy tờ gì, đến ngày 19/12/2017 chị H có

viết lại giấy mượn tiền của chị M 80.000.000 đồng tiền gốc nêu trên. Tuy nhiên đến nay chị H chưa trả nợ, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 10%/ năm (0,83%/ tháng) là đúng quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS 2015 nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Xét thấy quá trình thực hiện hợp đồng vay, đến nay bị đơn chị H không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn chị M toàn bộ số tiền gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 19/12/2017 đến ngày 17/3/2020 là 26 tháng 27 ngày cụ thể:

- Nợ gốc 80.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 26 tháng x 27 ngày = 17.861.591 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi là: **97. 861.591 đồng.**

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Các Điều 463, 465, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn chị Phạm Thị M **97.861.591 đồng** (trong đó 80.000.000 đồng tiền gốc và 17.861.591 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu **4.893.079 đồng** án phí DSST.

Hoàn lại cho nguyên đơn chị Phạm Thị M 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp trước tại biên lai thu tiền số: 011801 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Về quyền kháng cáo**: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Bình